|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /NQ-HĐND | *Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2023* |

**(Dự thảo)**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ ……**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010; Luật đo đạc bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018; Luật Tài nguyên nước ngày 16 tháng 6 năm 2012; Luật đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; các Thông tư của Bộ Tài chính: số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường; số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC;* *Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, xử lý tài sản, tài chính sau khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh *(Có Phụ lục các Danh mục kèm theo).*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c); - Các Bộ: Tài nguyên và MT, Tài chính (để b/c); - TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh; - Đoàn ĐBQH tỉnh; - Các Ban, Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND tỉnh; - Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh; - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; - HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã; - Trung tâm Công báo tỉnh; - Lưu: VT, TH. | **CHỦ TỊCH**  **Hoàng Trung Dũng** |

**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**  
*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

| **TT** | **Danh mục dịch vụ sự nghiệp công theo lĩnh vực** |
| --- | --- |
| **I** | **Quản lý đất đai** |
| 1 | Điều tra, đánh giá đất đai của địa phương |
| 2 | Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính |
| 3 | Thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất |
| 4 | Thu thập, cập nhật, lưu trữ và khai thác thông tin tư liệu, tài liệu đất đai |
| 5 | Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký, cập nhật biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai |
| 6 | Cập nhật, chỉnh lý, đồng bộ hóa, khai thác dữ liệu đất đai; xây dựng,quản lý hệ thống thông tin đất đai. |
| 7 | Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất |
| 8 | Điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể, lập bản đồ giá đất |
| 9 | Điều tra, khảo sát, lập và đề xuất danh mục các dự án đầu tư: Giải phóng mặt bằng sạch để đấu giá đất theo dự án đầu tư; GPMB sạch và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên đất để tổ chức đấu giá đất; GPMB sạch, đầu tư xây dựng, tạo lập quỹ đất tái định cư. |
| 10 | Quản lý quỹ đất đã được giải phóng mặt bằng, quỹ đất nhận chuyển nhượng nhưng chưa có dự án đầu tư hoặc chưa đấu giá quyền sử dụng đất; quản lý quỹ đất, nhà và công trình trên đất thu hồi thuộc trách nhiệm quản lý của tổ chức phát triển quỹ đất theo quy định của Luật đất đai; lập phương án sử dụng đất, khai thác quỹ đất được giao quản lý nhưng chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất; lập phương án đấu giá đất. |
| **II** | **Đo đạc và bản đồ** |
| 1 | Các hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ yêu cầu quản lý của địa phương |
| 2 | Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính theo quy định của pháp luật |
| 3 | Xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính của địa phương |
| **III** | **Địa chất và khoáng sản** |
| 1 | Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh |
| 2 | Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của địa phương |
| 3 | Lưu trữ, quản lý thông tin về khoáng sản ở địa phương |
| **IV** | **Tài nguyên nước** |
| 1 | Điều tra, đánh giá, đo đạc tài nguyên nước. |
| 2 | Hoạt động điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh |
| 3 | Điều tra, tổng hợp hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước đối với nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn |
| 4 | Xây dựng cơ sở dữ liệu; quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước ở địa phương |
| 5 | Kiểm kê tài nguyên nước |
| **V** | **Quản lý tổng hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo** |
| 1 | Điều tra cơ bản tài nguyên biển và hải đảo thuộc phạm vi quản lý của địa phương |
| 2 | Các nhiệm vụ, dự án, đề án thuộc chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo |
| 3 | Quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ thuộc phạm vi quản lý của địa phương |
| 4 | Điều tra, thống kê, phân loại, quản lý tài nguyên biển và hải đảo do địa phương quản lý |
| 5 | Hoạt động quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của địa phương |
| 6 | Thiết lập, quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương |
| **VI** | **Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu** |
| 1 | Điều tra, khảo sát, quan trắc, giám sát tác động, thu thập dữ liệu, lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn |
| 2 | Giám sát biến đổi khí hậu; đánh giá khí hậu địa phương; đánh giá tác động của biến đổi khí hậu; xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng |
| 3 | Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu địa phương |
| **4** | Xây dựng quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí thuộc địa bàn quản lý |
| **VII** | **Bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học** |
| 1 | Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, quan trắc, giám sát theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của địa phương |
| 2 | Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường; nội dung về bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh |
| 3 | Điều tra, đánh giá, xác định, khoanh vùng và xử lý khu vực ô nhiễm môi trường; khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường |
| 4 | Truyền thông, tập huấn tuyên truyền về bảo vệ môi trường; đa dạng sinh học |
| 5 | Quản lý, vận hành, khai thác các trạm quan trắc môi trường tự động liên tục do nhà nước đầu tư trên địa bàn tỉnh |
| 6 | Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên |
| 7 | Quan trắc, thống kê, quản lý thông tin, dữ liệu về đa dạng sinh học; xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học |
| 8 | Tổ chức xây dựng báo cáo hiện trạng hiện trạng môi trường, hiện trạng đa dạng sinh học, báo cáo hiện trạng khu bảo tồn; chương trình, dự án bảo tồn đa dạng sinh học |
| 9 | Xây dựng, vận hành mạng lưới quan trắc môi trường theo quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình quan trắc tài nguyên và môi trường của địa phương; thông tin, cảnh báo về ô nhiễm môi trường |
| 10 | Xây dựng và thử nghiệm mô hình bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học |
| 11 | Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải phát sinh không xác định được nguồn thải trên địa bàn tỉnh |
| **VIII** | **Dịch vụ khác** |
| 1 | Lập, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch, kế hoạch về lĩnh vực tài nguyên môi trường theo quy định của pháp luật |
| 2 | Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm về quản lý tài nguyên môi trường thuộc thẩm quyền của địa phương |
| 3 | Xây dựng, thu thập, tích hợp, lưu trữ, cập nhật, khai thác, vận hành, sử dụng và quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường của địa phương; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài nguyên môi trường |
| 4 | Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực tài nguyên và môi trường |
| 5 | Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dự án, công trình thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**